

Số: /TB-BQLR

Tam Đường, ngày tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn đơn vị tổ chức đấu giá

Căn cứ Luật Đấu giá số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ luật số 37/2024/QH15 ngày 27/06/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 09/01/2025 của Chủ tịch UBND huyện Tam Đường phê duyệt Phương án xử lý tài sản là gỗ tận dụng từ rừng sau khai thác để thực hiện Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc đoạn qua huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu và Dự án đường liên xã Khun Há - Bản Bo, huyện Tam Đường.

Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu thông báo việc lựa chọn Tổ chức đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá

- Tên đơn vị: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.
- Địa chỉ: Bản 46, xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.
- Số điện thoại liên hệ: 0915.154.089
- Gmail: bqlrungphongho.td@gmail.com

2. Thông tin tài sản bán đấu giá

STT	Tên tài sản	Tình trạng, đặc điểm, chủng loại	Đơn vị tính	Khối lượng	Giá khởi điểm (đồng)
1	Lô gỗ số 01			78,709	56.650.350
1.1	Gỗ cây thông	Số lượng 1056 khúc gỗ; khối lượng 70,771 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng sản xuất là rừng trồng do nhà nước là đại diện chủ sở hữu; phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	70,771	53.078.250
1.2	Gỗ cây đào rừng	Số lượng 02 khúc gỗ; khối lượng 0,111 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng sản xuất là rừng trồng do nhà nước là đại diện chủ sở hữu; phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	0,111	49.950
1.3	Gỗ cây mỡ	Số lượng 82 khúc gỗ; khối lượng 7,640 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng sản xuất là rừng trồng do nhà nước là đại diện chủ sở hữu; Các khúc gỗ có kích thước không đồng đều, phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	7,64	3.438.000
1.4	Gỗ cây vôi thuốc	Số lượng 04 khúc gỗ; khối lượng 0,187 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng sản xuất là rừng trồng do nhà nước là đại diện chủ sở hữu; phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	0,187	84.150
2	Lô gỗ số 02			18,458	8.971.000
2.1	Gỗ cây thông	Số lượng 05 khúc gỗ; khối lượng 2,22 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng sản xuất là rừng trồng do nhà nước là đại diện chủ sở hữu; phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	2,22	1.665.000
2.2	Gỗ cây ba soi	Số lượng 03 khúc gỗ; khối lượng 0,199 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng tự nhiên; phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	0,199	69.650
2.3	Gỗ cây kháo	Số lượng 64 khúc gỗ; khối lượng 7,732 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng tự nhiên; phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	7,732	3.866.000

2.4	Gỗ cây de	Số lượng 01 khúc thân cây; khối lượng 0,142 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng tự nhiên; phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	0,142	49.700
2.5	Gỗ cây vôi thuốc	Số lượng 19 khúc thân cây; khối lượng 4,629 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng tự nhiên; phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	4,629	2.083.050
2.6	Gỗ SP	Số lượng 24 khúc gỗ; khối lượng 4,629 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng tự nhiên; phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	2,083	729.050
2.7	Gỗ cây me	Số lượng 01 khúc gỗ; khối lượng 0,187 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng tự nhiên; phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	0,187	65.450
2.8	Gỗ cây trám	Số lượng 02 khúc gỗ; khối lượng 0,693 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng tự nhiên; phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	0,693	242.550
2.9	Gỗ cây ba bét	Số lượng 03 khúc gỗ; khối lượng 0,573 m ³ ; Chủng loại gỗ tròn; loài thông thường từ rừng tự nhiên; phẩm chất gỗ còn mới tốt.	M3	0,573	200.550
Tổng giá trị tài sản lô gỗ số 01+ lô gỗ số 02					65.621.350
Tổng giá trị tài sản làm tròn					65.620.000

Tổng giá khởi điểm của tài sản là: 65.620.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn*). Trong đó:

- Lô gỗ số 01: 56.650.000 đồng (*Dự án kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía Bắc đoạn qua huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu Gồm các loại cây: Thông, Đào rừng, Mỡ, Vôi thuốc được tập kết tại lán Công trường xây dựng của Công ty xây dựng 1-5 cách địa điểm khai thác khoảng 1km - thuộc địa phận xã Bình Lư, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu*).

- Lô gỗ số 02: 8.970.000 đồng (*Dự án đường liên xã Khun Há – Bàn Bo, huyện Tam Đường gồm các loại cây: Thông, Kháo, Ba soi, De, Vôi thuốc, Trám, SP, Me, Ba bét được tập kết tại khu đất trống nhà dân, địa chỉ tại bản Nà Đa, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu*).

Lưu ý: Giá khởi điểm trên không bao gồm thuế GTGT và các chi phí khác có liên quan (*như chi phí vận chuyên, chi phí bốc xếp...*). Người trúng đấu giá phải tự chi trả các loại chi phí nêu trên và các chi phí khác từ các địa điểm tập kết của Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tam Đường.

3. Tiêu chí đánh giá, chấm điểm lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giã	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu	6,0

	giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về	4,0

	<i>bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản)</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i>	
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i>	5,0
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i>	3,0
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1,0
IV	<i>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp</i> <i>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>	5,0
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	<i>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</i>	5,0
Tổng số điểm		100

VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Đủ điều kiện</i>
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	<i>Không đủ điều kiện</i>

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia

4.1. Thời gian nhận hồ sơ

05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thông báo trên cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp <http://dgts.moj.gov.vn> (Trong giờ hành chính).

Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện (Hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện trước 17 giờ của ngày kết thúc thông báo).

4.2. Địa điểm nộp hồ sơ

- Tên cơ quan: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tam Đường.
- Địa chỉ: Bản 46, xã Sơn Bình, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu.
- Mọi thông tin chi tiết liên hệ số điện thoại: 0915.154.089 hoặc 0984.244.505
- Thông báo này được công khai trên trang thông tin điện tử của UBND huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu và Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (<http://dgts.moj.gov.vn>).
- Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tam Đường sẽ thông báo kết quả lựa chọn tổ chức đấu giá theo quy định và sẽ không trả lại hồ sơ cho các đơn vị tham gia chào dịch vụ mà không được lựa chọn.

Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

Nơi nhận:

- UBND huyện (B/c);
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản - Bộ Tư pháp;
- Trung tâm Văn hoá, thể thao và Truyền thông huyện Tam Đường;
- Cổng thông tin điện tử UBND huyện Tam Đường;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Hồng Sơn